TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST Ngày 28 tháng 8 năm 2023 *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kỹ

Ông Trần Minh Phương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Đức T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Nghĩa V, xã Hoài T, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Đàm Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Nghĩa V, xã Hoài T, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh. Hiện trú tại: Malaysia. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Ngô Đức T trình bày:* Anh kết hôn với chị Đàm Thị N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/1996 tại UBND xã Hoài T, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại xã Hoài T, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách làm ăn kinh tế dẫn tới cảm phai nhạt, vợ chồng sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2007, chị N đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, vợ chồng sống ly thân, hai bên cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Từ năm 2007 đến nay, chị N vẫn ở Malaysia và không về Việt Nam. Nay anh xác định thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Đàm Thị N.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Thị N, sinh ngày 14/8/1997 đã lập gia đình riêng và Ngô Đức H, sinh ngày 10/11/2002. Do các con đều đã trưởng T, không cần chăm sóc nuôi dưỡng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là chị Đàm Thị N* hiện đang lao động tại Malaysia. Ngày 09/05/2023, Tòa án đã tiến hành làm việc với chị N khi chị về Việt Nam. Chị trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Đức T ngày 07/10/1996 trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn tại UBND xã Hoài T, huyện Thuận T, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, năm 2007 chị đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Từ năm 2007 đến ngày 01/5/2023, chị chưa về nhà lần nào. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn. Ngày 02/6/2023, Tòa án cũng tiến hành làm việc với bà Vũ Thị Diện là mẹ chị N thì được bà Diện cung cấp: Hiện nay chị N đã quay lại Malaysia làm việc, chị N chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại nên bà không cung cấp được địa chỉ của chị N ở nước ngoài cho Tòa án. Chị N có trao đổi với bà là không đồng ý ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Thị N, sinh ngày 14/8/1997 đã lập gia đình riêng và Ngô Đức H, sinh ngày 10/11/2002. Hiện các con đều đã trưởng T.

- Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đàm Thị N không có mặt nên Tòa án không tiến hành được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Ngô Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đàm Thị N vắng mặt mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; anh Ngô Đức T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chị Đàm Thị N không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh T.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Ngô Đức T được ly hôn với chị Đàm Thị N; con chung, tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Ngô Đức T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Đàm Thị N, địa chỉ: Thôn Nghĩa V, xã Hoài T, thị xã Thuận T, tỉnh Bắc Ninh; hiện trú tại: Malaysia. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tòa án đã tiến hành thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án về việc ly hôn giữa anh Ngô Đức T và chị Đàm Thị N, anh Ngô Đức Tạo có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô Đức T và chị Đàm Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đức T và chị Đàm Thị N kết hôn ngày 07/10/1996 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh Ngô Đức T và chị Đàm Thị N là hợp pháp.

Quá trình sinh sống vợ chồng hạnh phúc, năm 2007 chị N đi lao động tại Malaysia, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2007 đến nay. Trong thời gian đó hai bên không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng nguội lạnh, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Ngô Đức T và chị Đàm Thị N đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng nên được chấp nhận.

- Con chung: Anh Ngô Đức T và chị Đàm Thị N có hai con chung là Ngô Thị N, sinh ngày 14/8/1997 và Ngô Đức H, sinh ngày 10/11/2002. Hiện các con chung đều đã trưởng T nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí: Anh Ngô Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 228, 279 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đức T được ly hôn chị Đàm Thị N.

2. Con chung, tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

3. Án phí, lệ phí Tòa án: Anh Ngô Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0000359 ngày 08/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Hoài T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai